

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai tình hình quản lý, xử lý, sử dụng và mua sắm tài sản công
năm 2024 của Bệnh viện Đa Khoa Hạ Long

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA HẠ LONG

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công. Nghị định số 114/2024/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 2342/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Đa khoa Hạ Long;

Căn cứ công văn số 946/SYT-KHTC ngày 12/03/2025 của Sở Y tế về việc thực hiện công khai, minh bạch trong việc bố trí, quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị;

Theo đề nghị của Phòng Tài chính kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công khai tình hình quản lý, xử lý, sử dụng và mua sắm tài sản công năm 2024 của Bệnh viện Đa khoa Hạ Long theo Phụ lục đính kèm.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3: Các ông bà trong Ban Giám đốc, trưởng các khoa/phòng, bộ phận căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Lưu: VT, TCKT.



GIÁM ĐỐC

Trần Ngọc Phương

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẮM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG NĂM 2024

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I	Đầu tư xây dựng, mua sắm												
1	Trụ sở làm việc/ cơ sở hoạt động sự nghiệp												
2	Xe ô tô												
1	Xe ô tô cứu thương Ford	Cái	2	Ford	Trung Quốc	2024	1.936.000	Đấu thầu	Liên danh Việt Hàn-Thành Công Thanh Hóa	0	0	0	
3	Tài sản cố định khác									0	0	0	
1	Điều hòa 1 chiều Gree Inverter	Cái	1	Inverter	Trung Quốc	2024	15.013	Chỉ định thầu	Hộ kinh doanh Phạm Minh Sơn	0	0	0	
2	Điều hòa 1 chiều Gree Inverter	Cái	1	Inverter	Trung Quốc	2024	16.513	Chỉ định thầu	Hộ kinh doanh Phạm Minh Sơn	0	0	0	
3	Điều hòa 1 chiều Gree	Cái	1	Gree	Trung Quốc	2024	14.513	Chỉ định thầu	Hộ kinh doanh Phạm Minh Sơn	0	0	0	
4	Tủ đông Sanaky Inverter	Cái	1	Sanaky Inverter	Việt Nam	2024	18.500	Chỉ định thầu	Hộ kinh doanh Phạm Minh Sơn	0	0	0	
5	Máy tính để bàn bao gồm cả bộ lưu điện;	Cái	15		Việt Nam	2024	189.750	Đấu thầu	Công ty TNHH Điện tử tin học Thành Nam liên doanh Công ty TNHH Phát triển kỹ thuật Đồng Bắc	0	0	0	

6	Máy tính để bàn bao gồm cả bộ lưu điện;	Cái	2		Việt Nam	2024	25.300	Đấu thầu	Công ty TNHH Điện tử tin học Thành Nam liên doanh Công ty TNHH Phát triển kỹ thuật Đồng Bắc	0	0	0	
7	Máy tính để bàn bao gồm cả bộ lưu điện;	Cái	1		Việt Nam	2024	12.650	Đấu thầu	Công ty TNHH Điện tử tin học Thành Nam liên doanh Công ty TNHH Phát triển kỹ thuật Đồng Bắc	0	0	0	
8	Máy tính để bàn bao gồm cả bộ lưu điện;	Cái	1		Việt Nam	2024	12.650	Đấu thầu	Công ty TNHH Điện tử tin học Thành Nam liên doanh Công ty TNHH Phát triển kỹ thuật Đồng Bắc	0	0	0	
9	Máy tính để bàn bao gồm cả bộ lưu điện;	Cái	1		Việt Nam	2024	12.650	Đấu thầu	Công ty TNHH Điện tử tin học Thành Nam liên doanh Công ty TNHH Phát triển kỹ thuật Đồng Bắc	0	0	0	
10	Máy tính xách tay;	Cái	9		Trung Quốc	2024	124.200	Đấu thầu	Công ty TNHH Điện tử tin học Thành Nam liên doanh Công ty TNHH Phát triển kỹ thuật Đồng Bắc	0	0	0	
11	Máy tính xách tay;	Cái	1		Trung Quốc	2024	13.800	Đấu thầu	Công ty TNHH Điện tử tin học Thành Nam liên doanh Công ty TNHH Phát triển kỹ thuật Đồng Bắc	0	0	0	
12	Máy tính để bàn TQY23 52514;	Cái	3		Việt Nam	2024	38.670	Đấu thầu	Công ty TNHH Công nghệ Hữu Nghĩa Quảng Ninh	0	0	0	
13	Máy tính để bàn TQY23 52514;	Cái	3		Việt Nam	2024	38.670	Đấu thầu	Công ty TNHH Công nghệ Hữu Nghĩa Quảng Ninh	0	0	0	
14	Máy tính để bàn TQY23 52514;	Cái	1		Việt Nam	2024	12.890	Đấu thầu	Công ty TNHH Công nghệ Hữu Nghĩa Quảng Ninh	0	0	0	
15	Máy tính để bàn TQY23 52514;	Cái	1		Việt Nam	2024	12.890	Đấu thầu	Công ty TNHH Công nghệ Hữu Nghĩa Quảng Ninh	0	0	0	
16	Máy tính để bàn TQY23 52514;	Cái	2		Việt Nam	2024	25.780	Đấu thầu	Công ty TNHH Công nghệ Hữu Nghĩa Quảng Ninh	0	0	0	
17	Máy tính xách tay	Cái	2		Trung Quốc	2024	13.500	Đấu thầu	Công ty TNHH Công nghệ Hữu Nghĩa Quảng Ninh	0	0	0	
18	Máy tính xách tay	Cái	1		Trung Quốc	2024	13.500	Đấu thầu	Công ty TNHH Công nghệ Hữu Nghĩa Quảng Ninh	0	0	0	
19	Máy chủ Dell	Cái	1	Dell	Malaysia	2024	96.525	Chỉ định thầu	Công ty TNHH Phước Hưng	0	0	0	
20	Ổ đĩa cứng máy tính hiệu Seagate	Cái	2	Seagate	Thái Lan	2024	39.710	Chỉ định thầu	Công ty TNHH Phước Hưng	0	0	0	
21	Điều hòa Gree 2 chiều Charm 18HL;	Cái	1	Gree	Trung Quốc	2024	24.584	Chỉ định thầu	Hộ kinh doanh Phạm Minh Sơn	0	0	0	
22	Ghế khám và điều trị răng	Cái	1		Ý	2024	285.000	Đấu thầu	Công ty TNHH TM&DV y tế Nam Thanh	0	0	0	
23	Hệ thống CT scanner < 64 lát cắt/ vòng quay	Cái	1		Nhật Bản	2024	7.490.000	Đấu thầu	Công ty CPĐT&PT y tế Việt Nhật	0	0	0	
24	Máy áp lạnh cổ tử cung	Cái	1		Mỹ	2024	95.000	Đấu thầu	Công ty TNHH TM&DV y tế Nam Thanh	0	0	0	
25	Máy đốt điện cổ tử cung	Cái	1		Mỹ	2024	210.000	Đấu thầu	Công ty TNHH TM&DV y tế Nam Thanh	0	0	0	
26	Máy soi cổ tử cung	Cái	1		Mỹ	2024	235.000	Đấu thầu	Công ty TNHH TM&DV y tế Nam Thanh	0	0	0	

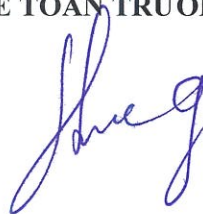
27	Máy điện tim	Cái	1		Nhật Bản	2024	75.000	Đầu thầu	Công ty TNHH Việt Phan	0	0	0	
28	Máy đo lưu huyết não	Cái	1		Nga	2024	420.000	Đầu thầu	Công ty TNHH Việt Phan	0	0	0	
29	Máy sấy công nghiệp	Cái	1		Tây Ban Nha	2024	165.000	Đầu thầu	Công ty TNHH Dũng Phương	0	0	0	
30	Máy siêu âm tổng quát (4D màu, 04 đầu dò)	Cái	1		Hàn Quốc	2024	1.370.000	Đầu thầu	Công ty CPPT và Đầu tư Phúc Khang	0	0	0	
31	Máy xét nghiệm HbA1c tự động	Cái	1		Nhật Bản	2024	683.000	Đầu thầu	Công ty CP Kinh doanh Thiết bị y tế Đông Dương	0	0	0	
II	Tài sản giao mới												
1	Trụ sở làm việc/ cơ sở hoạt động sự nghiệp												
2	Xe ô tô												
3	Tài sản cố định khác												
III	Tài sản đi thuê												
1	Trụ sở làm việc/ cơ sở hoạt động sự nghiệp												
	...												
2	Xe ô tô												
	...												
3	Tài sản cố định khác												
	...												
IV	Tài sản từ nguồn viện trợ, quà biếu, tặng cho (nếu có)												
	...												

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Thanh Bình

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Văn Hùng

Ngày 21 tháng 02 năm 2025

GIÁM ĐỐC



Trần Ngọc Phương

Ghi chú:

- Thời điểm được xác định là đã hoàn thành việc mua sắm tài sản là thời điểm hoàn thành việc chuyển giao tài sản, thanh toán và thanh lý hợp đồng mua sắm tài sản.
- Cột số 9: Ghi rõ hình thức mua sắm/thuê: Đầu thầu, chỉ định thầu, chào hàng cạnh tranh, mua sắm trực tiếp.

Tỉnh: Quảng Ninh
Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Y tế Quảng Ninh
Đơn vị: Bệnh viện Đa khoa Hạ Long
Mã đơn vị: 1123974

Mẫu số 09d-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG NĂM 2024

ĐVT: Nghìn đồng

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)		Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền							Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản(Nghìn đồng)			Chi phí xử lý tài sản	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I	Đất	200.290														
1	Phòng khám Đa khoa khu vực Quảng La	200.290			x											Chuyển giao về UBND tp Hạ Long
II	Nhà	884.481	-	425.205												
1	Phòng khám Đa khoa khu vực Quảng La	884.481		425.205	x											Chuyển giao về UBND tp Hạ Long
III	Xe ô tô	397.850										18.335	18.335			
1	Xe ô tô cứu thương BKS 14C-1219	397.850		-			x				Đã thanh lý bán đấu giá	18.335	18.335			
IV	Thiết bị y tế chuyên dùng	6.447.000										450.000	450.000			
2	Thanh lý máy CT+máy đo lưu huyết não	6.447.000		-			x				Đã thanh lý bán đấu giá	450.000	450.000			
	Tổng															

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thanh Bình

KẾ TOÁN



Nguyễn Văn Hùng



Ngày 24 tháng 02 năm 2025

GIÁM ĐỐC

Trần Ngọc Phương

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP NĂM 2024

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú	
		Diện tích(m ²)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán(Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m ²)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng(m ²)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m ²))								
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác		
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp			
1	Đất																					
1	Bệnh viện Đa khoa Hạ Long, khu Trới 2, phường Hoành Bồ, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	10.788	50.079.960	10.788	10.788																	
III	Nhà																					
1	Khu nhà A (Nhà khám chữa bệnh và nhà điều hành)									2001	375	3.643.851	2.511.047		X							
2	Khu nhà B (Nhà Nội - Nhi - Lây)									2010	376	3.931.379	2.838.928		X							
3	Khu nhà dự phòng									2012	432	3.209.318	1.110.885		X							
4	Nhà khám, nghiệm vụ và Dinh dưỡng									2018	911	16.558.359	13.856.279		X							
5	Nhà nghiệp vụ và điều trị									2018	906	43.812.649	37.678.879		X							
6	Khoa Nội- Nhi									2018	367	1.569.449	1.130.004		X							
7	Khoa truyền nhiễm									2018	294	3.859.257	2.778.665		X							

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú	
		Diện tích(m ²)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán(Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m ²)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng(m ²)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m ²))								
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng hỗn hợp		Sử dụng khác
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
8	Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn+ Giải phẫu bệnh lý									2018	405	2.794.344	2.011.928		X							
9	Nhà đặt máy phát điện									2018	30	80.429	24.128		X							
10	Nhà đặt bình oxy									2018	14	216.683	65.005		X							
11	Nhà cầu									2018	233	220.953	66.285		X							
12	Nhà Rác									2018	48	303.154	98.854		X							
13	Trạm bơm									2018	30,25	138.298	41.490		X							
	Tổng cộng:																					

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thanh Bình

KẾ TOÁN



Nguyễn Văn Hùng

Ngày 24 tháng 02 năm 2025

GIÁM ĐỐC



Trần Ngọc Phương

Ghi chú:

- Công khai về nhà: Trường hợp có thể tách biệt được phần diện tích sử dụng của từng mục đích thì ghi tương ứng diện tích đối với từng mục đích sử dụng; nếu không tách được thì ghi vào “sử dụng hỗn hợp”.
- Nếu tại đơn vị phát sinh việc “sử dụng khác” diện tích nhà, đất thì ghi rõ hiện trạng sử dụng khác (bị lấn chiếm, bỏ trống...).

Tỉnh: Quảng Ninh

Mẫu số 09c-CK/TSC

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Y tế Quảng Ninh

Đơn vị sử dụng tài sản: Bệnh viện Đa khoa Hạ Long

Mã đơn vị: 1123974

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC NĂM 2024

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Xe ô tô			1.035.517.000	1.936.000.000	1.035.517.000	137.724.000							
1	Xe cứu thương Ford		1		968.000.000				x					
2	Xe cứu thương Ford		1		968.000.000				x					
3	Xe Mitsubishi		1	1.035.517.000		1.035.517.000	137.724.000		x					
II	Tài sản cố định khác			134.811.548.803	76.053.749.605	14.865.763.898	29.942.233.667							
*	Máy móc thiết bị văn phòng			24.436.041.611	21.706.444.513	2.540.207.098	3.528.472.790							
1	Notebook HP touchsmart TM 2-2151NR		1	22.500.000	22.500.000									
2	Phần mềm kế toán Mimoas		1	10.000.000	10.000.000									
3	Lắp hệ thống phòng cháy chữa cháy		1	13.216.400	13.216.400									
4	Điều hòa Gree 2HP GWC 18 KD-K6N0C4		2	33.788.000		33.788.000	25.341.000							
5	Điều hòa Gree 11604BTU-GWC12C-K6N0C4		1	11.144.000		11.144.000	8.358.000							
6	Thiết bị lưu trữ Qnap TS-464eU-4G (NAS)		1	83.900.000		83.900.000	50.340.000							
7	Máy điều hoà		1	21.000.000	21.000.000									
8	Bồn INOX Việt Mỹ 5000 lít		1	13.500.000	13.500.000									
9	Máy điều hoà FUNIKI HS 18000 BTU		1	11.500.000	11.500.000									
10	Máy điều hoà NAGATAWA 18000 BTU 02		1	11.500.000		11.500.000								
11	Máy chiếu đa năng		1	29.500.000	29.500.000									
12	Tivi LCD LG in 42 LK 450.		1	16.850.000	16.850.000									
13	Bộ ổn định điện		1	25.000.000		25.000.000								

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác	
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn ngân sách									Nguồn khác
14	Bàn làm việc (Đài Loan) Sơn PU cao cấp		1	11.000.000		11.000.000								
15	Điều hoà Panasonic 12.000 BTU – A12KE2		1	12.000.000		12.000.000								
16	Điều hoà Panasonic 12.000 BTU – A12KE2 02		1	12.000.000		12.000.000								
17	Điều hoà Panasonic 12.000 BTU – A12KE2 03		1	12.000.000		12.000.000								
18	Điều hoà Panasonic 12.000 BTU – A12KE2		3	36.000.000		36.000.000								
19	Điều hoà Panasonic 12.000 BTU – A12KE2 15		1	12.000.000		12.000.000								
20	Điều hoà Panasonic 12.000 BTU – A12KE2 16		1	12.000.000		12.000.000								
21	Điều hoà Nagakawa 18.000 BTU NS-A188 04		1	14.450.000		14.450.000								
22	Tủ lạnh - SANYO U21MN 207 lít		1	10.350.000		10.350.000								
23	Mixer 16 Line		1	12.500.000		12.500.000								
24	Điều hoà FUNIKI SBH - 09		1	10.870.000		10.870.000								
25	Bàn hội trường quây rộng giữa		1	28.499.969		28.499.969								
26	Máy tính để ĐNA		1	11.000.000		11.000.000								
27	Máy tính ĐNA		1	20.500.000		20.500.000								
28	Máy tính xách tay		1	18.975.000		18.975.000								
29	Tủ rack máy chủ		1	18.676.900		18.676.900								
30	Bộ lưu điện máy chủ		1	13.785.200		13.785.200								
31	Bộ chuyển mạch trung tâm -		1	17.075.300		17.075.300								
32	Máy tính ĐNA		1	11.800.000		11.800.000								
33	Máy chủ dữ liệu		1	99.707.000		99.707.000								
34	Máy tính để bàn ĐNA		1	11.000.000		11.000.000								
35	Điều hoà FUNIKI SBH - 12		1	12.601.900		12.601.900								
36	Điều hoà NAGAKAWA NS - A 12AK		1	11.000.000		11.000.000								
37	Điều hòa nhiệt độ GREE		3	31.260.000										
38	Điều hòa nhiệt độ GREE		1	10.420.000										
39	Điều hòa nhiệt độ GREE		1	10.420.000										
40	Bộ máy vi tính để bàn:		1	10.989.000		10.989.000								

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
41	Điều hòa nhiệt độ GREE		1	10.420.000										
42	Bồn Inox Tân Mỹ 5000N năm		1	13.320.000										
43	Loa VOSCO		1	16.500.000										
44	Tủ lạnh mát		1	12.900.000		12.900.000								
45	Máy điều hòa Gree		1	10.945.000		10.945.000								
46	Máy điều hòa Gree		2	10.945.000		10.945.000								
47	Hệ thống quản lý xếp hàng tự động		1	97.020.000										
48	Tivi Samsung 60H5200AWLEDW		1	24.849.000		24.849.000								
49	Máy điều hòa Gree		1	10.945.000		10.945.000								
50	Máy điều hòa Gree		1	10.945.000		10.945.000								
51	Bộ máy vi tính để bàn:		3	32.967.000		32.967.000								
52	Máy trạm		1	21.890.000		21.890.000								
53	Thiết bị hội chẩn tư vấn chuyên môn trực tuyến		1	214.412.000	214.412.000									
54	Máy vi tính bộ cấu hình tiêu chuẩn		2	21.890.000		21.890.000								
55	Máy vi tính bộ cấu hình tiêu chuẩn		1	10.945.000		10.945.000								
56	Máy vi tính bộ cấu hình tiêu chuẩn		1	10.945.000		10.945.000								
57	Máy điều hòa Samsung		1	12.260.000		12.260.000								
58	Máy điều hòa LG		1	10.210.000		10.210.000								
59	Hệ thống camera quan sát		1	13.915.000		13.915.000								
60	Hệ thống quản lý xếp hàng tự động bao		01	47.300.000		47.300.000								
61	Máy điều hòa Samsung		1	12.300.000		12.300.000								
62	Máy điều hòa Gree		1	11.660.000		11.660.000	-							
63	Máy điều hòa Gree		1	11.660.000		11.660.000	-							
64	Máy điều hòa Gree		1	11.660.000		11.660.000	-							
65	Camera quan sát thân hồng ngoại		1	31.460.000	31.460.000		-							
66	Bộ trực tuyến		1	23.920.000		23.920.000	-							
67	Amplpy Caniformia		1	17.160.000		17.160.000	-							

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
68	Máy vi tính để bàn		1	-			-							
69	Máy vi tính để bàn		1	-			-							
70	Máy vi tính để bàn		1	10.450.000	10.450.000		-							
71	Máy vi tính để bàn		1	14.590.000	14.590.000		-							
72	Máy vi tính để bàn		1	13.856.000	13.856.000		-							
73	Máy tính xách tay HP Probook		1	14.795.000	14.795.000		-							
74	Máy tính xách tay DELL		1	14.850.000	14.850.000		-							
75	Máy vi tính xách tay Dell		1	29.300.000	29.300.000		-							
76	Điều hòa Gree liên doanh 1 chiều		2	26.800.000	26.800.000		-							
77	Điều hòa Gree liên doanh 1 chiều		1	12.150.000	12.150.000		-							
78	Máy in đa năng canon		1	11.500.000	11.500.000		-							
79	Máy pho to coppy Shap màn hình cảm ứng		1	71.700.000	71.700.000		-							
80	Điều hòa Gree 16000 BTU		1	16.200.000	16.200.000		-							
81	Điều hòa Gree liên doanh 1 chiều 12000 BTU/h		01	12.750.000	12.750.000									
82	Bộ bàn ghế sofa + nệm		01	11.500.000	11.500.000									
83	Điều hòa cây Gree		01	26.104.000	26.104.000									
84	Điều hòa Gree liên doanh 1 chiều 16000 BTU/h		01	15.510.000	15.510.000									
85	Máy chiếu đa năng Shap		01	23.000.000	23.000.000									
86	Điều hòa Gree 11000 BTU 2 cục 1 chiều		01	13.000.000	13.000.000									
87	Máy scan HP Scanjet Pro 3000s2		01	13.750.000	13.750.000									
88	Máy vi tính xách tay Dell Vostro 14-5480		01	17.820.000	17.820.000									
89	Máy tính xách tay Lenovo		01	14.850.000	14.850.000									
90	Điều hòa Gree 2 cục 1 chiều		01	11.650.000	11.650.000									
91	Đồng hồ nước		1	16.800.000		16.800.000	-							
92	Ôn áp Lioa 15KVA		1	12.320.000	12.320.000		-							
93	Máy đọc mã vạch Kingpos		4	27.566.000	27.566.000		-							
94	Hệ thống xếp hàng tự động		1	39.000.000		39.000.000	-							

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
95	Máy bộ cầu hình tiêu chuẩn		1	10.340.000		10.340.000								
96	Máy bộ cầu hình tiêu chuẩn		1	10.340.000		10.340.000								
97	Máy in HP M401D		2	17.600.000		17.600.000								
98	Máy tính Dell + máy in canon		1	-			-							
99	Máy tính Wincom màn Samung + máy in canon		1	-			-							
100	Máy photocopy loại 1: Fujixerox docucentre		1	78.000.000	78.000.000		5.525.625							
101	Máy in Canon LBP 161dn		5	31.500.000	31.500.000		-							
102	Máy tính xách tay Dell Vostro 3490		4	53.280.000	53.280.000		-							
103	Máy tính xách tay Dell Vostro 3490		1	13.320.000	13.320.000		-							
104	Máy tính xách tay Dell Vostro 3490		1	13.320.000	13.320.000		-							
105	Máy SCAN Canon DR-C22511 SC1		1	12.180.000	12.180.000		-							
106	Máy bộ cầu hình tiêu chuẩn		1	10.340.000		10.340.000								
107	Máy bộ cầu hình tiêu chuẩn		1	10.340.000		10.340.000								
108	Máy bộ cầu hình tiêu chuẩn		1	10.340.000		10.340.000								
109	Máy bộ cầu hình tiêu chuẩn		1	10.340.000		10.340.000								
110	Máy bộ cầu hình tiêu chuẩn		3	31.020.000		31.020.000								
111	Máy bộ cầu hình tiêu chuẩn		2	20.680.000		20.680.000								
112	Máy bộ cầu hình tiêu chuẩn		2	20.680.000		20.680.000								
113	Máy bộ cầu hình tiêu chuẩn		1	10.340.000		10.340.000								
114	Máy bộ cầu hình tiêu chuẩn		1	10.340.000		10.340.000								
115	Máy bộ cầu hình tiêu chuẩn		1	10.340.000		10.340.000								
116	Máy bộ cầu hình tiêu chuẩn		2	20.680.000		20.680.000								
117	Máy bộ cầu hình tiêu chuẩn		1	10.340.000		10.340.000								
118	Thiết bị bảo mật RORTIGATE 60E		1	32.065.000		32.065.000	-							
119	Lưu điện Santank CIK		1	14.300.000	14.300.000		-							
120	Máy tính Orient		1	-			-							
121	Máy tính FPT ELEAD TKM 440-435		1	-			-							

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
122	Tivi Samsung 65 inch		1	31.300.000		31.300.000								
123	Tủ lạnh BEKO 340 lít		1	16.907.000		16.907.000								
124	Tủ đông Darling 970 lít		1	13.800.000		13.800.000								
125	Đồng hồ đo lưu lượng nước thải D80		1	19.316.000		19.316.000								
126	Bàn lễ tân loại 1 (R1)		2	24.687.532		24.687.532	6.171.883							
127	Bàn quầy lễ tân loại 2 (R2)		1	13.018.698		13.018.698	3.254.675							
128	Bàn quầy lễ tân loại 3 (R3)		1	14.318.568		14.318.568	3.579.642							
129	Bàn giao ban		6	187.637.232		187.637.232	46.909.308							
130	Máy tính FPT Elead TK810TNe1		3	39.450.000	39.450.000		-							
131	Máy tính FPT Elead TK810TNe1		1	13.150.000	13.150.000		-							
132	Máy tính FPT Elead TK810TNe1		1	13.150.000	13.150.000		-							
133	Máy tính FPT Elead TK810TNe1		1	13.150.000	13.150.000		-							
134	Máy tính FPT Elead TK810TNe1		2	26.300.000	26.300.000		-							
135	Máy tính FPT Elead TK810TNe1		2	26.300.000	26.300.000		-							
136	Máy tính FPT Elead TK810TNe1		1	13.150.000	13.150.000		-							
137	Máy tính FPT Elead TK810TNe1		1	13.150.000	13.150.000		-							
138	Máy SCAN Canon DR-C22511 SC1 SX: Japan		1	12.180.000	12.180.000		-							
139	Điều hòa Casper GH-09TL22		1	11.545.600	11.545.600		2.344.000							
140	Điều hòa Casper GH-09TL22		1	11.545.600	11.545.600		2.344.000							
141	Điều hòa Casper EH12TL22		1	11.545.600	11.545.600		4.329.600							
142	Điều hòa Casper EH12TL22		1	11.545.600	11.545.600		4.329.600							
143	Điều Hòa tủ đứng Panasonic		1	37.654.000	37.654.000		14.120.250							
144	Điều hòa CASPER SC-12/TL32		1	10.498.000	10.498.000		3.936.750							
145	Điều hòa Casper EH12TL22 Thái Lan 12000BTU		4	46.152.000	46.152.000		17.307.000							
146	Bàn công khu làm việc dùng cho khám bệnh		1	10.800.000	10.800.000		4.860.000							
147	Bảng điện tử 645cm*110cm chất liệu kẽm		1	96.107.000	96.107.000		43.248.150							
148	Máy chủ DELL POWER Edge R340 (4*3,5')		1	98.835.000	98.835.000		-							

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
149	Tủ bảo quản được Mdel HYC -68		1	34.700.000	34.700.000		12.492.000							
150	Quầy gỗ MDF chống ẩm (thái lan)		1	19.075.000	19.075.000		10.491.250							
151	Quầy gỗ MDF chống ẩm (thái lan)		1	19.075.000	19.075.000		10.491.250							
152	Quầy gỗ MDF chống ẩm (thái lan)		1	19.075.000	19.075.000		10.491.250							
153	Máy tính FPT Elead TK810TNe1		1	13.150.000	13.150.000		-							
154	Quầy gỗ MDF chống ẩm (thái lan)		1	19.075.000	19.075.000		10.491.250							
155	Điều hòa CASPER 12000BTU 2 chiều		4	72.364.000	72.364.000		27.136.500							
156	Điều hòa Casper 12000 BTU		2	21.582.000	21.582.000		8.093.250							
157	Điều hoà Casette âm trần 48000BTU		5	195.980.770	195.980.770		24.497.596							
158	Điều hoà Dakin 18.000 BTU		6	139.234.500	139.234.500		17.404.112							
159	Điều hoà Dakin 24.000 BTU		2	74.450.206	74.450.206		9.306.276							
160	Điều hoà Dakin 18.000 BTU		4	92.823.000	92.823.000		11.602.875							
161	Điều hoà Dakin 18.000 BTU		6	139.234.500	139.234.500		17.403.310							
162	Điều hoà Dakin 12.000 BTU		28	471.586.461	471.586.461		176.844.923							
163	Điều hoà Dakin 12.000 BTU		1	16.842.373	16.842.373		2.105.483							
164	Điều hoà Dakin 12.000 BTU		14	235.793.222	235.793.222		29.476.564							
165	Điều hoà Dakin 12.000 BTU		15	252.635.595	252.635.595		31.582.247							
166	Điều hoà Dakin 12.000 BTU		9	151.581.357	151.581.357		18.949.348							
167	Điều hoà Dakin 12.000 BTU		10	168.423.730	168.423.730		29.475.831							
168	Điều hoà Dakin 9.000 BTU		2	32.675.820	32.675.820		4.084.478							
169	Điều hoà Dakin 9.000 BTU		4	65.351.637	65.351.637		8.168.955							
170	Điều hoà Dakin 9.000 BTU		1	16.337.910	16.337.910		2.042.239							
171	Điều hoà Dakin 9.000 BTU		1	16.337.910	16.337.910		2.042.239							
172	Điều hoà Dakin 18.000 BTU		1	46.411.499	46.411.499		5.801.437							
173	Điều hoà Dakin 12.000 BTU		2	25.855.817	25.855.817		3.231.977							
174	Điều hoà Dakin 9.000 BTU		2	29.785.226	29.785.226		3.723.153							
175	Điều hoà Dakin 24.000 BTU		1	31.526.937	31.526.937		3.940.867							

[illegible]

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
203	Ti vi LCD 43"		5	58.740.000	58.740.000									
204	Ti vi LCD 43"		2	23.496.000	23.496.000									
205	Ti vi LCD 43"		3	35.240.000	35.240.000									
206	Ti vi LCD 43"		7	82.236.000	82.236.000									
207	Ti vi LCD 43"		1	11.748.000	11.748.000									
208	Ti vi LCD 43"		5	58.740.000	58.740.000									
209	Switch trung tâm, hỗ trợ 24 khe cắm quang		1	68.639.000	68.639.000									
210	Switch tầng 24 cổng hỗ trợ 2 khe cắm quang		9	310.500.000	310.500.000									
211	Máy chủ Server		1	163.000.000	163.000.000									
212	Hệ thống phòng cháy chữa cháy		1	273.183.970	273.183.970		34.147.996							
213	Máy photocopy ,FUJIFILM Apeos 3560 (cấu hình 2 khay)		1	66.320.000	66.320.000		53.056.000							
214	Điều hòa Panasonic 2 chiều Inverter 1,5 HP		1	22.080.960		22.080.960	19.320.840							
215	Điều hòa 1 chiều Gree GWC09KB-K6N0C4		1	13.071.960		13.071.960	11.437.965							
216	Điều hòa 1 chiều Gree Inverter CHARM18CI		2	39.299.920		39.299.920	34.387.430							
217	Điều hòa 2 chiều Gree Kool GWH12KC-K6N0C4		1	17.911.960		17.911.960	15.672.965							
218	CCS-CU Khối điều khiển trung tâm		1	23.650.000		23.650.000	18.920.000							
219	CCS-DL Hộp đại biểu kèm micro cân dài		8	57.200.000		57.200.000	45.760.000							
220	Điều hòa 1 chiều Gree Inverter 1 HP		1	15.013.333		15.013.333	15.013.333							
221	Điều hòa 1 chiều Gree Inverter		1	16.513.333		16.513.333	16.513.333							
222	Điều hòa 1 chiều Gree Amore9CN		1	14.513.333		14.513.333	14.513.333							
223	Tủ đông Sanaky Inverter VH-6699HY3		1	18.500.000		18.500.000	18.500.000							
224	Máy tính để bàn bao gồm cả bộ lưu điện		15	189.750.000		189.750.000	189.750.000							
225	Máy tính để bàn bao gồm cả bộ lưu điện		2	25.300.000		25.300.000	25.300.000							
226	Máy tính để bàn bao gồm cả bộ lưu điện		1	12.650.000		12.650.000	12.650.000							
227	Máy tính để bàn bao gồm cả bộ lưu điện		1	12.650.000		12.650.000	12.650.000							
228	Máy tính để bàn bao gồm cả bộ lưu điện		1	12.650.000		12.650.000	12.650.000							
229	Máy tính xách tay		9	124.200.000		124.200.000	124.200.000							

[illegible]

[illegible]

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác	
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn ngân sách									Nguồn khác
33	Hệ thống phẫu thuật nội soi		1	995.795.309										
34	Bàn mổ chân thương chỉnh hình		1	313.240.000										
35	Đèn mổ treo trần ánh sáng lạnh		1	197.715.000										
36	Lồng ấp trẻ sơ sinh		1	159.967.500										
37	Bộ trung phẫu hăng Gold tier		1	26.000.000										
38	Ghê khám chữa răng		1	162.000.000										
39	Máy hút dịch		1	23.000.000										
40	Tủ sấy điện		1	24.500.000										
41	Máy gây mê thở kèm máy nén khí		1	611.334.000										
42	Hệ thống rửa tay phẫu thuật viên 3 vòi		1	250.000.000										
43	Máy truyền dịch		1	22.000.000										
44	Bơm tiêm điện		1	19.900.000										
45	Bơm tiêm điện		1	19.900.000										
46	Máy tạo ô xy di động		1	23.200.000										
47	Máy tạo ô xy di động		1	23.200.000										
48	Máy tạo ô xy di động		1	23.200.000										
49	Bàn mổ đa năng		1	369.000.000										
50	Máy siêu âm đen trắng kèm máy in		1	315.900.000										
51	Máy hút dịch		1	19.000.000										
52	Monitor theo dõi sản khoa		1	130.000.000										
53	Bộ dụng cụ phẫu thuật dạ dày (tiểu hoá)		1	168.000.000										
54	Máy in phim khô cho máy X quang kỹ thuật số DANC		1	280.500.000										
55	Đèn soi đáy mắt chạy bằng điện		1	16.650.000	16.650.000									
56	Bộ dụng cụ phẫu thuật chấn thương		1	112.150.000	112.150.000									
57	Máy sinh hiển vi khám mắt		1	146.000.000	146.000.000									
58	Máy đo khúc xạ tự động NIDEK		1	219.000.000	219.000.000									
59	Máy khoan xương điện.		1	19.500.000		19.500.000								

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
87	Máy sắc thuốc tự động		1	149.820.000		149.820.000								
88	Máy đóng gói thuốc		1	149.820.000		149.820.000								
89	Đầu dò âm đạo dùng cho máy siêu âm		1	89.980.000		89.980.000								
90	Đầu dò Linear dùng cho máy siêu âm		1	99.990.000		99.990.000								
91	Cassette 24 x 30 cm		1	124.950.000		124.950.000								
92	Cassette 35 x 43 cm		1	164.850.000		164.850.000								
93	Máy thở CPAP		1	109.000.000										
94	Máy hút dịch 01 bình Medi-Pump		1	21.500.000										
95	Giường sưởi ấm sơ sinh		1	184.000.000										
96	Đèn điều trị vàng da		1	66.000.000										
97	Máy điều trị bằng sóng siêu âm		1	98.000.000										
98	Máy nội soi tiết niệu		1	-			-							
99	Máy phân tích khí máu		1	531.000.000										
100	Hệ thống nội soi dạ dày		1	996.100.000										
101	Máy truyền dịch		3	103.500.000										
102	Bơm tiêm điện		3	86.400.000										
103	Máy điện tim 3 kênh		1	78.000.000		78.000.000								
104	Máy điều trị bằng sóng xung kích		1	502.000.000		502.000.000	-							
105	Máy nén ép trị liệu		1	320.500.000		320.500.000	-							
106	Máy điện trị liệu 2 kênh		1	98.500.000		98.500.000	-							
107	Máy điện trị liệu đa năng 2 kênh độc lập		2	260.000.000		260.000.000	-							
108	Máy điều trị từ trường		1	348.400.000		348.400.000	-							
109	Bàn tập đa năng		1	74.000.000		74.000.000	-							
110	Máy điện châm không dùng kim		2	136.000.000		136.000.000	-							
111	Cầu thang tập đi		1	11.000.000		11.000.000	-							
112	Bàn đé thủy lực		1	148.600.000		148.600.000	-							
113	Máy điện giải		1	90.000.000		90.000.000	-							

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
114	Hộp kính thử thị lực + gọng kính		1	11.000.000	11.000.000									
115	Kính hiển vi 1 mắt T.Quốc		1	11.483.000										
116	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động		1	1.494.500.000	1.494.500.000		-							
117	Đèn mô treo trần LED hai chóa		2	798.700.000	798.700.000		-							
118	Giường cấp cứu quay tay		3	99.000.000		99.000.000	-							
119	Máy hút dịch 1 bình theo xe oto cứu thương		1	12.000.000		12.000.000	-							
120	Bê ôn nhiệt		1	23.000.000	23.000.000		-							
121	Xe đạp phục hồi chức năng		1	15.000.000		15.000.000	-							
122	Đồng bộ dụng cụ khám điều trị TMH		1	129.500.000	16.872.600									
123	Bảng thị lực điện tử.		1	38.000.000	38.000.000									
124	Đèn soi đáy mắt		1	25.000.000										
125	Kính hiển vi 2 mắt OLYPUS		1	24.000.000										
126	Kính hiển vi 2 mắt OLYPUS		1	11.800.000										
127	Máy điện tim 3 kênh + bộ dây điện cực		1	23.200.000										
128	Máy đo cường độ ánh sáng		1	24.600.000	24.600.000									
129	Máy chụp Xquang thường quy cao tần EzyRadpro		1	670.000.000	670.000.000									
130	Máy li tâm 24 ống		1	36.000.000	36.000.000									
131	Máy rửa phim tự động		1	175.000.000	175.000.000									
132	Máy siêu âm đen trắng sách tay		1	160.000.000										
133	Máy siêu âm đo mật độ loãng xương		1	177.800.000	177.800.000									
134	Máy siêu âm chuẩn đoán xách tay + đầu dò		1	192.958.000										
135	Máy soi cổ tử cung		1	82.000.000	82.000.000									
136	Máy tạo Oxy 5l/phút mini 5 tần số: 50HZ		1	33.000.000	33.000.000									
137	Sinh hiển vi Khám mắt		1	99.000.000										
138	Tủ an toàn sinh học cấp 1		1	28.000.000	28.000.000									
139	Tủ bảo quản Vắc xin TCW3000		1	44.420.000										
140	Tủ đá Dometic Model: TFW 800SN: 8031656		1	-			-							

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
141	Máy siêu âm chuẩn đoán xách tay + kèm máy in		2	343.886.740										
142	Máy tạo Oxy 5l/phút mini 5 tần số: 50HZ		1	33.000.000	33.000.000									
143	Nồi hấp điện		1	54.400.000										
144	Tủ sấy Model: PO BOX 1720		1	29.200.000										
145	Máy đo loãng xương X_quang toàn thân		1	948.850.000		948.850.000	-							
146	Tủ an toàn sinh học cấp 2		1	289.500.000		289.500.000	-							
147	Giường bệnh nhân 3 tay quay		5	166.500.000		166.500.000	-							
148	Giường bệnh nhân 3 tay quay		2	66.600.000		66.600.000	-							
149	Giường HSCC điều khiển điện cấu hình trung bình		5	549.750.000			-							
150	Giường HSCC điều khiển điện cấu hình trung bình		3	329.850.000			-							
151	Monitor theo dõi bệnh nhân		1	91.700.000		91.700.000	-							
152	Tủ làm mát Sanaky		1	21.670.000		21.670.000	-							
153	Máy điện trị liệu đa năng dùng trong y tế		1	98.500.000		98.500.000	-							
154	Máy siêu âm Doppler màu 4D		1	1.800.000.000	1.800.000.000		-							
155	Máy gây mê kèm thở		1	798.000.000	798.000.000		-							
156	Monitor theo dõi bệnh nhân		1	147.943.000			-							
157	Máy gây mê kèm thở		1	850.000.000	850.000.000		106.250.000							
158	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường		22	433.400.000	433.400.000		54.175.000							
159	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số		1	197.788.199			- 2							
160	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số		1	197.788.235			-							
161	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số		3	593.364.705			-							
162	Hệ thống tán sỏi nội soi ngược dòng bằng Laser		1	2.400.000.000			300.000.000							
163	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số		1	197.788.000			24.723.324							
164	Máy phẫu thuật Phaco		1	1.400.000.000			175.000.000							
165	Máy siêu âm Doppler mẫu 4D		2	3.700.000.000			462.500.000							
166	Hệ thống chụp cộng hưởng từ 0,3 Tesla		1	14.225.000.000			1.778.125.000							
167	Hệ thống oxy cao áp điều trị		2	5.956.000.000			744.500.000							

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
168	Hệ thống xử lý X quang số hóa		1	1.396.000.000	1.396.000.000		174.500.000							
169	Monitor theo dõi bệnh nhân		1	147.943.000			-							
170	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường		8	157.600.000	157.600.000		19.700.000							
171	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường		20	394.000.000	394.000.000		49.250.000							
172	Thiết bị laser điều trị nội mạch		1	48.000.000	48.000.000		21.600.000							
173	Sửa chữa hệ thống CT 02 lát cắt		1	482.000.000	383.000.000	99.000.000	216.900.000							
174	Máy theo dõi sản khoa thai đơn		1	109.579.000	109.579.000		49.310.550							
175	Sửa chữa thay thế máy siêu âm màu		1	97.400.000	97.400.000		53.570.000							
176	Dao mổ điện		1	260.000.000	260.000.000		65.000.000							
177	Dao mổ điện		1	260.000.000	260.000.000		65.000.000							
178	Kính hiển vi		1	18.000.000	18.000.000									
179	Máy nước cất 2 lần		1	92.000.000										
180	Kính hiển vi		1	17.500.000										
181	Máy đo tốc độ lắng máu		1	78.200.000		78.200.000								
182	Hệ thống nội soi tiêu hóa		1	2.195.000.000	2.195.000.000		1.646.250.000							
183	Máy chụp X-Quang răng kỹ thuật số		1	825.000.000	825.000.000		618.750.000							
184	Giường sưởi ấm sơ sinh		1	170.000.000		170.000.000	127.500.000							
185	Máy đo chức năng hô hấp		1	135.000.000		135.000.000	101.250.000							
186	Máy điện tim 6 kênh		1	64.000.000		64.000.000	48.000.000							
187	Máy điện tim 6 kênh		1	64.000.000		64.000.000	48.000.000							
188	Máy ly tâm đa năng		1	78.000.000		78.000.000	58.500.000							
189	Máy siêu âm điều trị đa tần		1	105.000.000		105.000.000	78.750.000							
190	Máy hút dịch phẫu thuật chạy điện 2 bình		1	27.000.000		27.000.000	20.250.000							
191	Máy hút dịch phẫu thuật chạy điện 2 bình		1	27.000.000		27.000.000	20.250.000							
192	Máy xông khí dung siêu âm		1	19.000.000		19.000.000	14.250.000							
193	Máy xông khí dung siêu âm		1	19.000.000		19.000.000	14.250.000							
194	Máy đo huyết áp động		1	68.000.000		68.000.000	51.000.000							

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
195	Máy đo nồng độ oxy		1	13.000.000		13.000.000	9.750.000							
196	Máy hấp tiệt trùng		1	310.000.000		310.000.000	232.500.000							
197	Máy soi cổ tử cung		1	300.000.000		300.000.000	225.000.000							
198	Máy giặt công nghiệp		01	370.000.000	370.000.000		277.500.000							
199	Hệ thống Nội soi Tai mũi họng		01	840.600.000	840.600.000		630.450.000							
200	Máy điều trị bằng sóng xung kích		01	394.000.000	394.000.000		295.500.000							
201	Hệ thống monitor trung tâm		1	1.500.000.000	1.500.000.000		375.000.000							
202	Hệ thống phẫu thuật nội soi ổ bụng		1	2.370.000.000	2.370.000.000		592.500.000							
203	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường		12	236.400.000		236.400.000	59.100.000							
204	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường		63	1.241.100.000		1.241.100.000	310.275.000							
205	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường		10	197.000.000		197.000.000	49.250.000							
206	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường		11	216.700.000		216.700.000	54.175.000							
207	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường		3	59.100.000		59.100.000	14.775.000							
208	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường		4	78.800.000		78.800.000	19.700.000							
209	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường		1	19.700.000		19.700.000	4.925.000							
210	Máy sắc thuốc và đóng gói tự động		1	190.000.000		190.000.000	47.500.000							
211	Dao mổ siêu âm hàn mạch		1	1.995.000.000	1.995.000.000		520.875.625							
212	Máy chụp X quang C-arm		1	2.942.000.000	2.942.000.000		735.500.000							
213	Xe đẩy y dụng cụ cấp cứu cao cấp		1	33.000.000		33.000.000	11.550.000							
214	Xe đẩy y dụng cụ cấp cứu cao cấp		1	33.000.000		33.000.000	11.550.000							
215	Xe đẩy y dụng cụ cấp cứu cao cấp		1	33.000.000		33.000.000	11.550.000							
216	Máy thở xâm nhập và không xâm nhập		1	768.000.000	768.000.000		268.800.000							
217	Máy X quang kỹ thuật số		1	2.920.000.000	2.920.000.000		1.022.000.000							
218	Nồi hấp ướt (tiệt trùng 100l)		1	89.000.000		89.000.000	31.150.000							
219	Bộ dụng cụ phẫu thuật mổ		1	52.460.000		52.460.000	18.361.000							
220	Bộ dụng cụ mổ quặm, mổ mí		1	14.167.000		14.167.000	4.958.450							
221	Bộ dụng cụ cắt chỉ			24.265.000		24.265.000	8.492.750							

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
222	Khí y tế		1	6.753.435.113	6.753.435.113		844.179.389							
223	Máy rửa tay (Hệ thống của phẫu thuật viên)		1	244.464.792	244.464.792		61.116.198							
224	Máy lọc nước RO 500 L/H		1	66.264.792	66.264.792		16.566.198							
225	Bồn đồ thái		1	15.929.584	15.929.584		3.982.396							
226	Đèn đọc phim XQ		1	25.000.000	25.000.000		6.250.000							
227	Giá để film XQ		1	11.500.000	11.500.000		2.875.000							
228	Tủ để dụng cụ phòng mổ		1	150.000.000	150.000.000		37.500.000							
229	Đồng hồ phòng mổ		1	40.500.000	40.500.000		10.125.000							
230	Tủ âm 53 lít SX:2009		1	36.000.000	36.000.000									
231	Máy tạo ô xy		15	97.500.000			53.625.000							
232	Máy lắc ống nghiệm Multi fundetinnal		1	12.800.000	12.800.000									
233	Máy xét nghiệm nước tiểu URITEK		1	20.500.000	20.500.000									
234	Máy XN huyết học KX- 21 + máy in		1	75.152.500										
235	Máy đo tốc độ lắng máu		1	68.000.000	68.000.000		-							
236	Máy XN sinh hoá bán tự động		1	44.185.100			-							
237	Máy xét nghiệm nước tiểu		2	49.665.000										
238	Máy sinh hóa bán tự động 18 thông số		1	155.000.000										
239	Máy xét nghiệm huyết học		1	90.000.000	90.000.000									
240	Máy xét nghiệm huyết học		1	245.038.646										
241	Máy phân tích đông máu tự động		1	532.500.000		532.500.000	-							
242	Máy xét nghiệm sinh hóa tự động		1	1.990.000.000		1.990.000.000	497.500.000							
243	Máy xét nghiệm huyết học		1	257.000.000	257.000.000		192.750.000							
244	Máy xét nghiệm sinh hóa		1	696.000.000	696.000.000		522.000.000							
245	Máy xét nghiệm huyết học tự động 20 thông số		1	350.000.000		350.000.000	87.500.000							
246	Ghê khám và điều trị răng		1	285.000.000	285.000.000		285.000.000							
247	Hệ thống CT scanner < 64 lát cắt/ vòng quay		1	7.490.000.000	7.490.000.000		7.490.000.000							
248	Máy áp lạnh cổ tử cung		1	95.000.000	95.000.000		95.000.000							

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng								
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác	
				Tổng cộng	Trong đó										
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác									
249	Máy đột điện cổ tử cung		1	210.000.000	210.000.000		210.000.000								
250	Máy soi cổ tử cung		1	235.000.000	235.000.000		235.000.000								
251	Máy điện tim		1	75.000.000	75.000.000		75.000.000								
252	Máy đo lưu huyết não		1	420.000.000	420.000.000		420.000.000								
253	Máy sấy công nghiệp		1	165.000.000	165.000.000		165.000.000								
254	Máy siêu âm tổng quát (4D màu, 04 đầu dò)		1	1.370.000.000	1.370.000.000		1.370.000.000								
255	Máy xét nghiệm HbA1c tự động		1	683.000.000	683.000.000		683.000.000								
	Tổng			135.847.065.803	77.989.749.605	15.901.280.898	30.079.957.667								

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thanh Bình

KẾ TOÁN



Nguyễn Văn Hùng

Ngày 21 tháng 02 năm 2025

GIÁM ĐỐC



Trần Ngọc Phương

Ghi chú:

- Cột 2: Phần I Xe ô tô: Ghi theo nhãn hiệu và biển kiểm soát (Ví dụ: Toyota Camry 10A-9999).
- Trường hợp có “sử dụng khác” thì ghi rõ hiện trạng đang sử dụng.